

*VL, ngày 02 tháng 6 năm 2022*

Số:56/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:106/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

HKTT: Thôn LT, xã ĐĐ, huyện VL, tỉnh HY

**Bị đơn:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1986

HKTT: Thôn LT, xã ĐĐ, huyện VL, tỉnh HY.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Cháu Dương Thị Quỳnh G, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2007; cháu Dương Thị Ngọc Q, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2012 và cháu Dương Minh Q1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015. Cháu G, cháu Q và cháu Q1 là con của chị L và anh T. Người giám hộ cho cháu G, cháu Q và cháu Q1 là chị L và anh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn T thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn T có ba con chung: cháu Dương Thị Quỳnh G, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2007; cháu Dương Thị Ngọc Q, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2012 và cháu Dương Minh Q1, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2015. Chị L và anh T thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Q và Q1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L và anh T không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

**Về tài sản; Về công nợ; Công sức và đất ruộng:** Chị L và anh T cùng tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị L chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011503 ngày 05 tháng 10 năm 2021, chị L đã nộp đủ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị L tự nguyện sung công quỹ Nhà nước

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự
- Viện kiểm sát huyện VL
- Chi cục THA huyện VL
- UBND xã ĐĐ
- Lưu Hs vụ án

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thơm**